

TRAFFIC

A CLOSER LOOK 2

- flat- apartment	(n): căn hộ
- airport	(n): phi trường, sân bay
- flea market	(n): chợ trời
- fall-fell-fallen	(v): té, ngã
- overweight	(adj): tăng cân, béo phì
- advice	(n): lời khuyên
- advise	(v): khuyên
- get stuck	(v): bị mắc kẹt
- in stead of	(prep): thay thế, thay vì
- dish	(n): món ăn, đĩa đựng t.ăn
- probably	(adv) : có lẽ
- waste	(v): lãng phí
- helmet	(n): mũ bảo hiểm
- dangerously	(adv) : nguy hiểm